

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 19/2019/HSPT
Ngày: 31- 01 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tiến Dũng.

Các Thẩm Phán: Ông Lê Hoài Nam.

Ông Mai Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn – Thư ký Toà án nhân dân Tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Bà Lê Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 94/2018/TLPT- HS ngày 25 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Văn H - Sinh năm 1980 tại tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Đội 6, Hợp tác xã P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1942, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1943, (đã chết); vợ thứ nhất: Nguyễn Thị C, sinh năm 1986, (đã chết năm 2017). Vợ thứ hai: Trần Thị T, sinh năm 1985, hiện đang ở tổ dân phố 1, Thị trấn Q, huyện N; có 3 con: Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh tháng 7/2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Trần Văn H hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Người bị hại không kháng cáo:***

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Đội 1, xã Nghĩa Hồng, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. Anh Trần Văn G, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

3. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1941; nơi cư trú: Đội 6, HTX P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1959; nơi cư trú: Đội 6, HTX P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa bị cáo có mặt, người bị hại, các nhân chứng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 17/6/2018, Trần Văn H đến nhà ông Nguyễn Văn T4 là bố chị Nguyễn Thị C vợ cũ của H để đón cháu Trần Thị Mỹ D là con gái của H và chị Ca. Khi đến nhà ông T4, H gặp bà Nguyễn Thị M là vợ ông T4, bà M nói với H: “D đã về nhà rồi” nhưng H không tin nên đã chửi bới, xúc phạm đến bà M rồi đi về nhà. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, H đang ở nhà thì Nguyễn Văn T là con trai ông T4, bà M đến nhà H. H và T đã xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. H chạy đến phía bờ ao nhà H thì T nhặt nửa viên ngói đỏ ở sân ném về phía H nhưng không trúng. H lấy 01 chiếc kéo bằng kim loại và 01 con dao bài bằng kim loại ở cạnh bờ ao nhà H. Tay phải H cầm kéo, tay trái H cầm dao giơ lên đánh T. T giơ tay lên đỡ thì bị H cầm kéo đâm 2 cái vào cẳng tay phải. T dùng tay đánh lại H làm chiếc kéo trên tay phải H bị rơi xuống đất. H chuyển con dao từ tay trái sang tay phải (tay trái của H bị liệt, teo cơ tay trái bẩm sinh) tiếp tục chém về phía T làm T bị thương ở bả vai trái và khuỷu tay phải. Sau đó, H cầm dao chạy ra đường dong nhà thờ Ân Phú thuộc đội 6, hợp tác xã P, xã N thì bị Nguyễn Văn T2 là anh trai T đi đến giằng lấy dao và giữ H lại. Lúc này, T lấy 01 đoạn gậy tre khô dài khoảng 1,2 mét, đường kính 3cm ở vườn nhà H chạy đến vụt vào người, vào đầu H làm gậy tre bị gãy, vỡ làm nhiều mảnh nhưng không gây thương tích. Cùng lúc này, Trần Văn G là anh rể T cũng đến và dùng chân đá vào cẳng H một cái nhưng không gây thương tích. Hậu quả: Anh Nguyễn Văn T bị 01 vết thương ở vai trái, kích thước 6x3x2cm, đứt cơ đen ta mạch máu thần kinh mũ; 01 vết thương ở khuỷu tay phải dài 5x2x1cm; 01 vết thương mặt trước cẳng tay phải kích thước 1,5x3cm, sâu sát xương, đứt bán phần gân gấp chung bàn tay; 01 vết thương mặt sau cẳng tay phải, kích thước 1,5x1cm. Trần Văn H bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc kéo bằng kim loại, dài 23cm, tay cầm được bọc nhựa màu xanh, mũi kéo nhọn; 01 con dao bài bằng kim loại, dài 35cm, bản rộng 5,5cm, chuôi dao bằng gỗ, mũi

dao bằng, đầu mũi dao có 01 lỗ tròn đường kính 1cm; 06 mảnh ngói đỏ vỡ không rõ hình dạng, có kích thước lần lượt là 16x6,5cm, 12x11cm, 12x7cm, 9,5x6,5cm, 8,5x8cm, 6,5x3,5cm; 01 đoạn tre khô dài 65cm, đường kính 3cm, hai đầu bị vỡ khuyết 1 phần; 01 đoạn tre khô dài 45cm, đường kính 3cm, một đầu bị vỡ khuyết 1 phần; 04 mảnh tre khô có kích thước lần lượt là 35x3cm, 27x2cm, 25x2,5cm, 24x1cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 178/18/TgT ngày 06/8/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Nam Định đối với anh Nguyễn Văn T, kết luận: Dấu hiệu tổn thương chính qua giám định và nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế: 04 vết thương phần mềm kích thước trung bình và nhỏ: 03% (Bảng 1, chương 9, phần I, mục 1). Tổn thương không hoàn toàn thần kinh mũ: 16% (Bảng 1, chương 2, phần VII, mục 3.10). Đứt bán phần gân gấp chung bàn tay: 03 % (Bảng 1, chương 8, phần III, mục 5.1). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 21%. Áp dụng phương pháp cộng lùi. Cơ chế hình thành vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác động gây thương tích vai trái và khuỷu tay phải; Vật cứng có cạnh tương đối sắc tác động gây thương tích cẳng tay phải.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2018/HS - ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định đã quyết định

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 593 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm P Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”;
2. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
3. Buộc bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 24.838.000 đồng. Bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại cơ quan Công an để bồi thường cho bị hại, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh T số tiền còn lại 19.838.000 đồng (anh T được nhận 5.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý tang vật, tiền án phí phải nộp và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại.

Ngày 16/11/2018 Trần Văn H có đơn kháng cáo xin được cải tạo, giáo dục tại địa phương, với lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn một mình nuôi bố già và ba con còn nhỏ, bản thân phạm tội lần đầu, lại bị khuyết tật bẩm sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H đã trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù giam là hoàn toàn đúng người, đúng tội, nhưng do hoàn cảnh của H rất khó khăn, vợ cũ mới mất do tai nạn giao thông để lại 2 con còn nhỏ, vợ mới sinh con đến nay được 06 tháng còn bị bệnh tâm thần, bản thân H bị khuyết tật nặng lại phải làm nuôi 03 con còn nhỏ và một bố già yếu. Mặt khác trong vụ án này người bị hại đến nhà H áp đảo tại gia, chủ động đuổi đánh ném nửa viên ngói về phía bị cáo dẫn đến việc H bị ức chế, kích động. Đề nghị Hội đồng xét xử cho H được cải tạo tại địa phương để có điều kiện nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát kết luận vụ án: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội trên cơ sở đã xem xét đầy đủ toàn diện các T2 tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt cho bị cáo như thế là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không đưa ra được chứng cứ tài liệu có cơ sở pháp lý để đề nghị xem xét chuyển từ hình phạt tù giam sang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 356 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của bị cáo Trần Văn H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người người bị hại, người làm chứng và các Tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 17/6/2018, tại nhà Trần Văn H, do mâu

thuần về việc gia đình, Trần Văn H đã có hành vi dùng dao, kéo gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 21%. Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Như vậy cấp sơ thẩm đã xử bị cáo Trần Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Mức hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, trên cơ sở đã xem xét đầy đủ toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo H đã khai do bị kích động về hành vi áp đảo tại gia, đuổi đánh bị cáo của người bị hại nên bị cáo đã nhặt dao, kéo tại bờ ao nhà bị cáo vung lên đâm chém bừa về phía người bị hại để chống đỡ, dẫn đến việc gây thương tích cho người bị hại; bị cáo xuất trình Tài liệu có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ mới của bị cáo bị bệnh tâm thần không có khả năng lao động. Trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm chưa xem xét. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, trước đó chưa có vi phạm gì, có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện để được chấp hành hình phạt tù có điều kiện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

(giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt tù và cho hưởng án treo)

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội: “ Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Theo Điều 10 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 quy định: “Người được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ thi hành án từ 2 lần trở lên có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo H không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mai Thị Minh Hồng

Lê Hoài Nam

Phạm Tiến Dũng